



Khu công nghiệp Tân Hương, tỉnh Tiền Giang

Các giải pháp thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang

Th.S. NGUYỄN THANH VŨ

Tiền Giang là tỉnh vừa thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long vừa nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nên có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế nhất là trong lĩnh vực công nghiệp. Trong những năm qua, Tiền Giang đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2006-2008 đạt trên 11,0% cao hơn mức bình quân chung của cả nước, khu vực ngành công nghiệp năm 2005-2008 có tốc độ tăng trưởng bình quân trên 20,8% làm cho tỷ trọng của khu vực này trong GDP ngày càng tăng. Điều này đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu của tỉnh theo hướng công nghiệp, trong đó việc xây dựng và phát triển các Khu

công nghiệp (KCN) giữ vai trò quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH – HDH) của tỉnh.

Khu công nghiệp Mỹ Tho là KCN đầu tiên của tỉnh Tiền Giang được thành lập theo Quyết định số 782/TTg ngày 20/09/1997 của Chính phủ với diện tích 79,14 ha. Đến nay, Tiền Giang đã có thêm 4 KCN được Chính phủ cho chủ trương thành lập như KCN Tân Hương, KCN Long Giang, KCN Soài Rạp và KCN Dịch vụ Dầu khí được phân bố ở các huyện theo vùng nguyên liệu và lợi thế của tỉnh.

Tuy nhiên, cho đến nay Tiền Giang chỉ lấp đầy KCN Mỹ Tho còn các KCN khác thì tỷ lệ lấp đầy rất thấp (từ 5% - 35%). Do vậy, cần thiết

phải có nghiên cứu đánh giá thực trạng thu hút đầu tư, qua đó đề xuất một số giải pháp thu hút đầu tư nhằm giúp cho các nhà quản lý hoạch định các chính sách phát triển các KCN Tiền Giang trong thời gian tới.

1. Tổng quan về tình hình hoạt động các KCN ở Tiền Giang

1.1 Tổng quan về tình hình hoạt động các KCN Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

ĐBSCL có diện tích chiếm 12% diện tích tự nhiên cả nước. Bao gồm 3 triệu ha đất nông nghiệp, chiếm 33% so với cả nước (trong đó 48,8% diện tích trồng lúa), diện tích mặt nước có khả năng nuôi trồng thủy sản chiếm 53% so cả nước. Dân số chiếm 21,3% dân số toàn quốc. Trong đó có 1,3 triệu đồng bào người dân tộc Khmer. ĐBSCL là vùng sản xuất nông sản hàng hóa lớn nhất nước. Hàng năm sản xuất trên 50% sản lượng thóc, 92% lượng gạo xuất khẩu của cả nước, đóng vai trò rất quan trọng trong chiến lược đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

Hầu hết các tỉnh thành phố trong vùng ĐBSCL đều đã quy hoạch khu, cụm công nghiệp tập trung đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 sẽ hình thành 68 khu, cụm với diện tích 13.154 ha. Trong thời kỳ 2001 – 2005 đã được Thủ tướng Chính phủ thành lập mới 11 KCN tập trung, nâng tổng số toàn vùng đến năm 2005 có 17 KCN được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập. Trong đó có 13 KCN đã đi vào hoạt động, thu hút được 225 dự án, bao gồm 81 dự án có vốn nước ngoài, tổng vốn đăng ký gần 527 triệu USD và 164 dự án đầu tư trong nước với vốn đăng ký trên 5.907 tỉ đồng, đã lấp đầy khoảng 34% diện tích đất cho thuê (trong đó có 3 khu đã lấp kín 100%), giải quyết việc làm cho 37.963 lao động, đã góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của toàn vùng.

Tính đến tháng 11 năm 2008, toàn vùng ĐBSCL đã có 32 KCN được thành lập với tổng diện tích đất quy hoạch đạt 6.420 ha. Trong đó có 16 KCN với 42% diện tích đất công nghiệp, đã cơ bản hoàn thành việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư đạt tỉ lệ lấp đầy cao từ 70% đến 100% bao gồm: Các KCN ở Long An như Đức Hoà 1 (giai đoạn 1), Thuận Đạo, Tân Đức (giai đoạn 1), Long Hậu, KCN Mỹ Tho - Tiền

Giang, KCN Hòa Phú - Vĩnh Long, KCN Sa Đéc - Đồng Tháp, KCN Trà Nóc 1 - Cần Thơ. Ngoài tỉnh Long An và Thành phố Cần Thơ, một số tỉnh trong vùng đã thu hút được nguồn vốn tư nhân trong nước và nước ngoài trong việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KCN.

Trong 16 KCN đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đang hoạt động đã cho thuê được 1.147,7 ha (đạt tỉ lệ lấp đầy 68% diện tích đất công nghiệp). Bên cạnh đó, 16 KCN còn lại đang trong giai đoạn xây dựng hạ tầng cũng đã cho thuê được 587,4 ha. Đến cuối năm 2008, tính chung toàn vùng đã thu hút được 141 dự án có vốn đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 1,1 tỉ USD và 420 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư 16,72 ngàn tỉ đồng. Các dự án đầu tư vào KCN tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp: dệt may, giày da, chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến thủy hải sản, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy cầm, thủy sản, sản xuất đồ gia dụng, phụ tùng ô tô, cơ khí, vật liệu xây dựng, nhựa,...nhằm khai thác lợi thế về nguồn lao động, nguồn nông sản, thủy sản trong vùng. Đặc biệt đã thu hút được một số dự án đầu tư nước ngoài quy mô lớn trong ngành giày da, chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi gia súc, sản xuất và lắp ráp ô tô tại KCN Thuận Đạo, Long An, KCN Hoà Phú, Vĩnh Long và KCN Trà Nóc 2, thành phố Cần Thơ.

1.2 Tổng quan về tình hình hoạt động các KCN Tiền Giang.

Tính đến cuối năm 2008, Tiền Giang hiện đã có 2 KCN (KCN Mỹ Tho và Tân Hương) đi vào hoạt động với tổng doanh thu không ngừng tăng lên qua các năm, cụ thể doanh thu năm 2008 đạt 445,8 triệu USD tăng 49,0% so với năm 2007 (trong đó doanh thu các dự án đầu tư nước ngoài 224,9 triệu USD). Còn giá trị sản xuất công nghiệp năm 2008 đạt 257,3 triệu USD tăng 50,7% so với năm 2007 và chiếm 65,2% giá trị sản xuất công nghiệp của toàn tỉnh. Tương tự như vậy, giá trị sản phẩm hàng hóa xuất khẩu năm 2008 tăng 85,3% so với năm 2007 và chiếm 53,8% giá trị xuất khẩu của toàn tỉnh.

Ngoài ra các doanh nghiệp (DN) trong KCN đã chấp hành tốt các chính sách chế độ về thuế và thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế. Số thu ngân sách về thuế tiếp tục tăng. Tính đến cuối năm 2008, có 36 DN đang hoạt động sản xuất kinh

doanh tại các KCN Tiền Giang nộp thuế. Tình hình nộp ngân sách của các DN không ngừng tăng lên qua các năm, năm 2007 đạt 116,3 tỷ đồng tăng 7,2% so với năm 2006. Sang năm 2008 thì tình hình nộp ngân sách của các doanh nghiệp trong KCN Tiền Giang có sự chuyển biến tích cực, tăng 73,1 % so với cùng kỳ.

Nhìn chung tình hoạt động ở các KCN trong những năm qua đạt kết quả khá cao, thể hiện rõ nét vai trò của các KCN góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH- HĐH của tỉnh.

2. Hiện trạng thu hút đầu tư vào KCN Tiền Giang

2.1. Về công tác quy hoạch và đầu tư hạ tầng KCN Tiền Giang.

Tính đến cuối năm 2008 Tiền Giang đã quy hoạch 05 KCN với tổng diện tích 2.039 ha bao gồm KCN Mỹ Tho (97 ha), KCN Tân Hương (197 ha), KCN Long Giang (540 ha), KCN Tàu thủy Soài Rạp (285 ha) và KCN dịch vụ Dầu khí (920 ha).

Việc quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Tiền Giang chưa đồng bộ, điển hình là năm trong thời gian 2005 – 2006 mặc dù KCN Mỹ Tho đã lấp đầy nhưng tỉnh chưa có diện tích đất KCN mới cho thuê, hậu quả làm gián đoạn trong việc thu hút đầu tư của tỉnh vào KCN. Trong thời gian này, Ban quản lý các KCN Tiền Giang đã vượt mất khoảng 12 dự án (trong đó có 5 dự án đầu tư nước ngoài) xin thuê khoảng 35 ha đất với vốn đăng ký đầu tư trên 70 triệu USD.

Tình hình thu hút đầu tư trong lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng ở KCN Tiền Giang có dấu hiệu vượt bậc đó là chuyển từ hình thức nhà nước đầu tư xây dựng KCN sang đơn vị vốn tư nhân. Nhằm giảm bớt gánh nặng từ ngân sách, tháng 8 năm 2006 UBND tỉnh Tiền Giang có quyết định

chuyển đổi chủ đầu tư KCN Tân Hương từ Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Tiền Giang sang Công ty TNHH Nhứt Thành Tân - TP HCM. Trong năm 2006 thì UBND tỉnh cũng đã chấp thuận cho 2 nhà đầu tư vốn tư nhân đầu tư vào 2 KCN của tỉnh đó là Công ty TNHH Phát triển KCN Long Giang (vốn 100% nước ngoài) làm chủ đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Long Giang đến nay KCN này đạt 17,3%; Công ty TNHH Tàu thủy Phía Nam (VINASHIN) làm chủ đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Soài Rạp đến nay KCN này đạt khoảng 10,7%. Kết quả đầu tư hạ tầng các KCN Tiền Giang đến cuối năm 2008 được thể hiện như sau:

Bảng 2: Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Tiền Giang

Đơn vị tính: tỷ đồng

Tên	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn thực hiện	Tỷ lệ % TH/ĐT
KCN Mỹ Tho	176,1	100,5	57,1
KCN Tân Hương	581,6	365,4	62,8
KCN Soài Rạp	600,0	64,0	10,7
KCN Long Giang	1.600,0	276,0	17,3
Tổng cộng	2.957,7	805,9	27,2

Nguồn: Ban quản lý các KCN Tiền Giang

Nhìn chung tình hình quy hoạch và đầu tư hạ tầng ở các KCN Tiền Giang chậm làm ảnh hưởng đến công tác thu hút đầu tư của tỉnh trong thời gian qua.

2.2. Tình hình thu hút đầu tư vào KCN Tiền Giang

Tính đến cuối năm 2008 các KCN Tiền Giang đã thu hút được 48 dự án đầu tư, trong đó có 36 dự án đi vào hoạt động và 11 doanh nghiệp đang triển khai xây dựng nhà xưởng. Trong 3 năm 2006-2008 các KCN Tiền Giang đã thu hút vốn đầu tư vào KCN khá khiêm tốn bình quân một

Bảng 1: Kết quả hoạt động của các KCN Tiền Giang 2006-2008

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	2007/2006		2008/2007	
				C.lệch	%	C.lệch	%
1. Tổng doanh thu (Tr. USD)	187,4	299,1	445,8	111,7	159,6	146,7	149,0
2. Giá trị SX công nghiệp (Tr. USD)	119,4	170,7	257,3	51,3	143,0	86,6	150,7
- Tỷ lệ % so với toàn tỉnh	54,3	54,6	65,2	0,3	100,6	10,6	119,4
3. Giá trị hàng hóa xuất khẩu (Tr. USD)	97,6	118,0	218,7	20,4	120,9	100,7	185,3
- Tỷ lệ % so với toàn tỉnh	45,6	50,1	53,8	4,5	109,9	3,7	107,4
4. Thuế và các khoản nộp NS (tỷ đồng)	108,5	116,3	201,3	7,8	107,2	85,0	173,1

Nguồn: Ban quản lý các KCN Tiền Giang

năm đạt khoảng 32 triệu USD, các dự án thu hút đầu tư chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nếu so với các DN đang hoạt động ở TP.HCM và các tỉnh Đông Nam Bộ thì nguồn vốn thu hút đầu tư này rất thấp thậm chí chỉ bằng hai hoặc ba doanh nghiệp đầu tư vào KCN ở các tỉnh này. (Bảng 3)

Số dự án nước ngoài năm 2006-2008 là 7 DN nâng cao số DN nước ngoài đầu tư vào các KCN, CCN Tiền Giang là 15. Hiện các KCN Tiền Giang thu hút vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu là các nước châu Á chưa thu hút được các dự án từ các nước có công nghệ tiên tiến, một số nước đầu tư vào KCN gồm Australia (01 DN), Đài Loan (3 DN), Thái Lan (02 DN), Singapore (2 DN), Malaysia (01 DN) và Trung Quốc (05 DN). Điều này cho thấy các KCN Tiền Giang chưa thật sự hấp dẫn cho việc thu hút đầu tư nước ngoài.

Số dự án còn hiệu lực và số vốn đầu tư KCN tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2006 có 36 dự án còn hiệu lực thì đến năm 2007 là 42 dự án và tính đến năm 2008 đã có 48 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký là 278,8 triệu USD (trong đó vốn đầu tư trong nước là 86,3 triệu USD và vốn đầu tư nước ngoài 192,5). Tuy nhiên số vốn thực hiện đầu tư trên số vốn đăng ký giảm, năm 2006 chiếm 56,3% nhưng đến năm 2008 thì tỷ lệ này chỉ đạt 46,9%, điều này cho thấy nguồn vốn giải ngân cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn chậm. Nguyên nhân là do:

+ Các chính sách thu hút đầu tư của các KCN, CCN Tiền Giang chưa tạo được sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, thủ tục hành chính còn rườm rà. Quy chế phối hợp làm việc giữa các ngành (Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các

KCN, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Hải quan, Thuế, Điện lực, Cấp thoát nước, Phòng cháy chữa cháy) chưa có sự phối hợp tốt (liên thông) làm mất nhiều thời gian cho các nhà đầu tư. Công tác bồi thường giải tỏa còn chậm do thiếu vốn nên không có đất cho nhà đầu tư thực hiện dự án của mình.

+ Nền đất ở các KCN yếu nên các dự án lớn rất khó triển khai vì chi phí gia công xử lý nền móng cao (cao gấp nhiều lần so với khu vực miền Đông) vì vậy mà các dự án công nghiệp nặng thường không khả thi khi có quyết định đầu tư vào các KCN.

+ Cơ sở hạ tầng chung của tỉnh Tiền Giang còn thấp kém, chưa đồng bộ, nên lượng vốn FDI thu hút vào các KCN chưa cao.

Nhìn chung tình hình thu hút đầu tư ở các KCN Tiền Giang trong những năm qua chưa cao và có chiều hướng giảm chủ yếu thu hút các nhà đầu tư trong nước, việc thu hút đầu tư nước ngoài còn chậm và phần lớn là dự án vừa và nhỏ, chưa thu hút được dự án có tầm cỡ và công nghệ cao.

2.3 Thu hút lao động và tạo việc làm cho người lao động.

Các KCN Tiền Giang ngày càng phát triển đã thu hút ngày càng đông lực lượng lao động. Ngoài số lao động trực tiếp trong KCN. Các KCN này còn tạo thêm việc làm gián tiếp cho hàng ngàn hộ nông dân sản xuất, nuôi trồng cung cấp nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến nông sản, thủy hải sản và hàng ngàn người làm dịch vụ như nhà trọ, phương tiện vận tải, bốc vác, ăn uống,... Trong năm 2008 các KCN đã thu hút được 1.475 lao động trực tiếp, nâng số lượng lao động làm việc trong KCN lên 12.498 người và tăng hơn 13,4% so với năm 2007. Trong số

Bảng 3: Kết quả thu hút đầu tư vào KCN Tiền Giang

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	2007/2006		2008/2007	
				C.lệch	%	C.lệch	%
1. Vốn ĐT dự án mới (tr.USD)	5,9	28,2	63,1	22,3	478,0	34,9	223,8
2. Vốn ĐT mở rộng SX (tr.USD)	20,1	10,9	5,4		54,23		49,5
3. Số dự án ĐT nước ngoài	0	4	3				75,0
4. Tổng vốn ĐT tiếp nhận (tr. USD)	26,0	39,1	68,5	13,1	150,4	29,4	175,2
5. Số dự án còn hiệu lực	36,0	42,0	48	6,0	116,7	6,0	114,3
- Tổng vốn đăng ký (tr. USD)	171,2	210,3	278,8	39,1	122,8	68,5	132,6
- Tổng vốn thực hiện (tr. USD)	96,3	104,8	130,7	8,5	108,8	25,9	124,7
- % vốn thực hiện/ đăng ký	56,3	48,9	46,9		86,9		94,8

Nguồn: Ban quản lý các KCN Tiền Giang

12.498 lao động làm việc ở các KCN Tiền Giang thì có khoảng 70% lao động và khoảng 30 lực lượng lao động tại một số tỉnh lân cận trong vùng. Do ở xa nên lực lượng này thường thuê các nhà trọ ở khu vực dân cư lân cận KCN để sống. Một nhu cầu bức thiết đang trở thành áp lực ngày càng tăng đối với KCN là vấn đề nhà ở cho công nhân lao động nhưng đến nay chưa được tỉnh và DN quan tâm, trong khi số lượng công nhân lao động KCN lại không ngừng tăng lên. Trong dự án thành lập KCN Mỹ Tho tỉnh không có bố trí quỹ đất xây nhà ở cho công nhân nên hầu hết công nhân trong KCN phải tự thuê nhà ở với giá cao.

Theo báo cáo của Ban quản lý các KCN về tình hình lao động năm 2008 thì số lao động giảm so với tổng số lao động cuối kỳ năm 2007 là 41,5%, số lao động tăng là 38,7%. Trong số lao động giảm thì có khoảng 95,4% là nghỉ do thôi việc và nghỉ vì lý do khác (lương thấp, công việc không phù hợp với người lao động, điều kiện ở), số còn lại 4,6% nghỉ là do nghỉ hưu và sa thải do kỷ luật. Nguyên nhân của việc lao động giảm do thôi việc là do tính chất lao động làm việc tại các KCN Tiền Giang giản đơn, điều kiện làm việc vất vả, thu nhập và các khoản phụ cấp không cao khiến người lao động không cảm thấy gắn bó với nơi làm việc, chỉ cần nghe thấy có nơi làm việc khác có điều kiện tốt hơn là họ sẵn sàng bỏ việc, tiếp tục đến chỗ khác xin việc dẫn đến biến động lao động ở các KCN. Nguyên nhân khác là do số lao động ở ngoài tỉnh và các huyện ở xa KCN ngày càng có khuynh hướng trở về địa phương làm việc do có KCN ở địa phương mình thành lập, mặt khác do điều kiện sinh hoạt và vật chất thiếu thốn nên người lao động trở về địa phương làm việc. (Bảng 4)

Trình độ lao động tại các KCN Tiền Giang nhìn chung thấp chủ yếu là lao động phổ thông, chưa được đào tạo cơ bản về trình độ kỹ thuật chuyên nghiệp và ý thức tác phong công nghiệp. Nhưng đang có chuyển biến tích cực theo hướng tăng dần tỷ trọng lao động trí óc, lao động có tay nghề, phù hợp với xu hướng CNH - HĐH trong quản lý và trong sản xuất. Cụ thể, năm 2006 lực lượng lao động có trình độ đại học chiếm 5,9%, sang năm 2008 đạt 7,7%. Tương tự, lực lượng lao động có trình độ trung cấp cũng tăng dần qua các năm, đến năm 2008 là 8,9% trong cơ cấu lao động, trong khi đó, lực lượng lao động phổ thông chưa qua đào tạo đang giảm dần. Tiền Giang hiện nay đang đứng trước một tình trạng đáng báo động là số học sinh thi đậu vào các trường đại học sau khi tốt nghiệp tìm mọi cách ở lại làm việc tại TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương và Cần Thơ trong các DN có vốn đầu tư nước ngoài hoặc trong các DN tư nhân để có thu nhập cao và chỉ một số ít về tỉnh. Nhiều DN thông báo tuyển dụng rất lâu nhưng vẫn không có người đến đăng ký hoặc đăng ký nhưng vẫn thiếu lực lượng lao động có chuyên môn theo yêu cầu.

Hiện nay tại Tiền Giang chưa có trung tâm dạy nghề đào tạo lao động lành nghề cung cấp riêng cho KCN, đây cũng là hạn chế của Tiền Giang làm giảm sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Lực lượng lao động thường được đào tạo lại bởi chính các DN cho phù hợp với nhu cầu công việc, điều này làm mất nhiều thời gian và chi phí cho các nhà đầu tư. Tiền Giang hiện có 8 trung tâm tư vấn và giới thiệu việc làm cho người lao động, nhưng chỉ có 5 trung tâm dạy nghề thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Hội Liên hiệp Phụ nữ Tiền Giang. Điều này cho thấy, việc đào tạo nghề vẫn còn ở quy mô nhỏ, chưa thể đào

Bảng 4: Tình hình thu hút lao động tại KCN Tiền Giang

Đơn vị tính: người

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	2007/2006		2008/2007	
				C.lệch	%	C.lệch	%
1. Thu hút mới trong năm	4.689	4.614	1.475		98,4		32,0
2. Tổng số lao động	8.783	11.023	12.498	2.240	125,5	2.240	113,4
3. Trình độ (%):							
- CĐ, ĐH và sau đại học	5,9	7,2	7,4	1,3	122,0	0,2	102,8
- Trung cấp	6,9	8,6	8,9	1,7	124,6	0,2	103,5
- Phổ thông	87,2	84,2	83,7		96,6		99,4

Nguồn: BQL các KCN TG và Sở Lao động Tiền Giang

tạo được công nhân lành nghề mà chỉ có thể đào tạo công nhân ngành may mặc, giày da và điện lạnh là chủ yếu.

Về tình hình ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế ở các KCN đạt tỷ lệ 70%. Hiện nay đã thành lập khoảng 80% tổ chức công đoàn cơ sở với trên 9.000 công đoàn viên, đã thành lập 6 chi bộ Đảng với số đảng viên là 76 người. Việc trang bị bảo hộ lao động, kiểm tra sức khỏe định kỳ, kiểm định máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động... được đa số các doanh nghiệp quan tâm thực hiện. Trong năm 2008 không có tai nạn lao động và đình công xảy ra.

Nhìn chung việc thu hút đầu tư vào các KCN Tiền Giang trong thời gian qua chủ yếu là các DN vừa và nhỏ sử dụng nhiều lao động phổ thông góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm của tỉnh, chưa thu hút được các dự án đầu tư có kỹ thuật công nghệ cao sử dụng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao. Cấp chính quyền tỉnh và các chủ DN chưa chú trọng đến việc nhu cầu nhà ở cho công nhân.

2.4. Về công tác bảo vệ môi trường

Phát triển KCN ở Tiền Giang đã kéo theo tình trạng ô nhiễm môi trường. Điển hình trong năm 2008, Ban quản lý các KCN phối hợp với Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành thanh kiểm tra 12 doanh nghiệp chế biến nông thủy sản và thức ăn thủy sản. Tại thời điểm kiểm tra có 1 doanh nghiệp thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường và 11 doanh nghiệp còn lại tiếp tục vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường như không vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải (có 2 doanh nghiệp chưa xây dựng hệ thống xử lý), một số doanh nghiệp chưa thực hiện chương trình giám sát môi trường theo định kỳ. Đoàn thanh tra đã tiến hành lập biên bản xử phạt hành chính đối với 11 doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường với tổng số tiền phạt trên 110 triệu đồng.

Ngoài các DN nói trên, các doanh nghiệp chủ đầu tư KCN cũng vi phạm Luật môi trường vì chậm đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các KCN theo qui định hiện hành. Điển hình là KCN Mỹ Tho đã lấp đầy 100% diện tích thuê nhưng đến nay việc xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung đã triển khai xây dựng được 40% dự kiến cuối tháng

6/2009 mới hoàn thành. Còn KCN Tân Hương đang thi công hệ thống xử lý nước thải tập trung (giai đoạn 1) chỉ đạt khoảng 20%.

Nhìn chung, các doanh nghiệp trong KCN chưa quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường. Hiện có một số doanh nghiệp chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải cục bộ đạt loại C hoặc đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải nhưng không đưa vào hoạt động thường xuyên; công tác xử lý bụi, mùi chưa tốt còn gây ảnh hưởng đến sinh hoạt và sức khỏe của khu dân cư lân cận.

2.5. Cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào cho các DN trong KCN.

Nguồn nguyên liệu của tỉnh để phục vụ cho công nghiệp chế biến dồi dào nhưng chất lượng chưa ổn định, quy mô nhỏ và phân tán, nuôi trồng không theo quy hoạch dẫn đến tình trạng thiếu và thừa cho các DN sản xuất công nghiệp, làm ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo thống kê của Ban quản lý các KCN Tiền Giang thì có khoảng hơn 50% các DN trong KCN thuộc các ngành chế biến thủy sản, lương thực nên cần phải có sự đảm bảo nguồn nguyên liệu. Đây là điều kiện hết sức quan trọng vì khi thiếu nguyên liệu thì sẽ làm hoạt động của DN bị ngưng trệ và sẽ gây thiệt hại đáng kể cho DN. Vì vậy trong thời gian tới tỉnh cần phải quy hoạch và phát triển nguồn nguyên liệu đầu vào để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN..

3. Giải pháp thu hút đầu tư vào các KCN Tiền Giang

Nhằm thu hút đầu tư vào KCN ở Tiền Giang trong thời gian tới chúng ta cần phải thực hiện sáu giải pháp sau:

Một là: Về công tác quy hoạch KCN

Công tác quy hoạch luôn được xem là khâu then chốt, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển và bảo đảm sự thành công của KCN. Vì vậy công tác quy hoạch phải được tỉnh đặt lên hàng đầu. Do đó việc quy hoạch KCN trong thời gian tới cần:

- Quy hoạch KCN dựa trên cơ sở chọn vị trí thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DN như KCN phải gần liền đường biển, đường sông, hệ thống giao thông thuận lợi và các dịch vụ KCN tại địa phương đảm bảo tính kết nối hạ tầng kỹ thuật chung giữa các KCN trên địa bàn

của tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong công tác quy hoạch phát triển hạ tầng bên ngoài kết nối đến KCN. Quy hoạch xây dựng KCN đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật – xã hội ngoài hàng rào KCN.

- Tiếp tục quy hoạch một số KCN ở những vùng có điều kiện hạ tầng kém thuộc vùng xa, vùng sâu để Nhà nước đầu tư ngân sách đẩy mạnh phát triển như: huyện Tân Phước, huyện Gò Công Đông và một số xã vùng sâu huyện Cái Bè (Hậu Mỹ Trinh, Hậu Mỹ Bắc), Cai Lậy (xã Mỹ Phước Tây, Phú Cường) nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa nông thôn, hỗ trợ phát triển nông nghiệp, tận dụng vùng nguyên liệu, tạo việc làm cho người lao động địa phương để giảm áp lực nhà ở và các dịch vụ kèm theo ở các đô thị, không tạo chênh lệch quá xa giữa các vùng.

Hai là: Cải cách thủ tục hành chính

+ Thứ nhất: Ban quản lý KCN phối hợp với các sở ngành có liên quan (Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Hải quan, Thuế, Điện lực, Cấp thoát nước, Phòng cháy chữa cháy) quy định cụ thể thời gian cấp phép cho từng loại dự án theo phân cấp, đồng thời có sự phối hợp tốt (liên thông) trong việc giải thích các thông tin cần thiết khi nhà đầu tư yêu cầu.

+ Thứ hai: Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành quy chế quy định thời gian giải quyết các đề nghị của nhà đầu tư trong thời gian thực hiện dự án để các ngành liên quan căn cứ thực hiện nhằm giải quyết nhanh các yêu cầu của nhà đầu tư.

+ Thứ ba: Tăng cường phân cấp quản lý, quy định cụ thể rõ ràng quyền hạn và trách nhiệm của cấp cơ sở, khắc phục tình trạng hầu như cấp nào cũng có quyền đối với DN, nên các DN vẫn còn phải chịu nhiều phiền phức khi cần đến các cơ quan công quyền.

+ Thứ tư: Không ngừng giáo dục rèn luyện phẩm chất đạo đức và nâng cao trình độ kiến thức của đội ngũ cán bộ công chức. Xem khó khăn của nhà đầu tư cũng như là khó khăn của chính mình.

+ Thứ năm: Trao đổi thông tin với các doanh nghiệp trong KCN bằng cách tăng cường tổ chức các buổi đối thoại giữa doanh nghiệp với các sở ban ngành trong việc góp ý đối mới chính sách địa của tỉnh.

Ngoài ra tỉnh cần tạo niềm tin cho nhà đầu tư

trong việc đáp ứng các yêu cầu, giải quyết các vướng mắc của họ trong thời gian sớm nhất, hỗ trợ họ trong tất cả các thủ tục hành chính để họ có cái nhìn tốt về môi trường đầu tư và tự giới thiệu các dự án khác đầu tư vào Tiền Giang. Đây là cách thu hút đầu tư hiệu quả nhất nhằm cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh.

Ba là: Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN ở Tiền Giang trong những năm qua khá khiêm tốn. Tuy nhiên để công tác thu hút đầu tư nước ngoài đạt hiệu quả trong thời gian tới tỉnh cần:

- Các cơ quan, lãnh đạo tỉnh thường có mối quan hệ rất tốt với những tổ chức quốc tế, tập đoàn lớn ở nước ngoài, vì vậy có thể khai thác mối quan hệ này để tăng cường hợp tác quốc tế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư.

- Xây dựng chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài một cách hiệu quả. Xác định rõ mục tiêu, danh mục ngành nghề và khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư vào KCN trong từng giai đoạn theo hướng thu hút đầu tư đi vào chiều sâu, chọn lọc các ngành nghề và dự án đầu tư lớn với công nghệ tiên tiến đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Liên kết chặt chẽ với các tỉnh, thành trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Đồng bằng sông Cửu Long trong công tác thu hút đầu tư và phân bổ ngành nghề hợp lý căn cứ trên lợi thế cạnh tranh của từng tỉnh, thành.

- Tỉnh cần đầu tư mới nhà hàng, khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế; nâng cấp các khách sạn, nhà hàng hiện có. Bởi vì trong xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế thì việc nâng cấp các nhà hàng, khách sạn hiện có và xây dựng mới đạt tiêu chuẩn quốc tế là cần thiết để cho các nhà đầu tư nước ngoài vào vui chơi giải trí. Tránh trường hợp nhà đầu tư nước ngoài làm việc ở Tiền Giang nhưng sinh sống ở TP.HCM.

Bốn là: Tăng cường xây dựng hạ tầng KCN

- Trong điều kiện ngân sách địa phương có hạn, cần khai thác tối đa nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ của Trung ương đối với các KCN được Chính phủ phê duyệt, tranh thủ nguồn vốn trung ương hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa bàn khó khăn

Tân Phước để phục vụ cho KCN Long Giang.

- Tỉnh quy hoạch mặt bằng các KCN và kêu gọi nhà đầu tư hạ tầng đến cho thuê đất thô và họ chi tiền giải toả đền bù, chủ động đầu tư (theo quy hoạch, dự án được duyệt) và tự định giá cho thuê lại hạ tầng.

- Xúc tiến kêu gọi các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN như một số KCN đã thành công KCN Tân Hương và KCN Long Giang. Thông qua việc xây dựng hoàn chỉnh hệ thống các cơ chế, chính sách đặc thù thống nhất, đồng bộ và cụ thể, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào KCN.

- Tập trung nguồn lực, khẩn trương hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Tân Hương, KCN Long Giang và một số KCN khác theo qui hoạch, không để xảy ra tình trạng dự án chờ mặt bằng như trước đây.

- Đường cao tốc TP.HCM – Trung Lương dự kiến hoàn thành năm 2009, tỉnh phải chủ động thiết kế xây dựng hệ thống các đường và xin Trung ương cho nối từ các khu vực, địa phương trong tỉnh đến đường cao tốc để khai thác tốt thế mạnh của đường cao tốc trong việc phát triển kinh tế - xã hội của Tiền Giang.

Năm là: Quy hoạch phát triển nguồn nguyên liệu đầu vào cho các KCN

- Tỉnh cần phải quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo và cân đối nguồn nguyên liệu của tỉnh tránh tình trạng khủng hoảng thiếu và dư thừa nguồn nguyên liệu gây thiệt đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hộ nông dân cung cấp nguyên liệu.

- Tăng cường phối hợp giữa 2 ngành công nghiệp và nông nghiệp nhằm xây dựng, hình thành mối liên kết giữa nhà máy và người sản xuất nông nghiệp cùng các nhà khoa học nghiên cứu triển khai xây dựng một số vùng nguyên liệu tập trung, chuyên canh phục vụ cho công nghiệp chế biến đảm bảo đầu ra cho nông sản hàng hóa.

- Tăng cường công tác kiểm soát và công bố thông tin về quy hoạch đến các hộ nông dân nhằm đảm bảo phát triển vùng nguyên liệu theo quy hoạch, đồng thời xử lý các trường hợp nuôi trồng tự phát, đảm bảo phát triển cân đối vùng nguyên liệu tránh tình trạng thừa nguồn cung đồng thời kiểm soát được ô nhiễm môi trường.

- Tỉnh cần phải xây dựng chính sách hỗ trợ về

tài chính, tín dụng, kỹ thuật cho doanh nghiệp và nhà nông trong việc thực hiện liên kết trong nuôi, trồng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến theo quy hoạch.

- Ngoài ra tỉnh cần phải thu hút nguồn nguyên liệu từ các tỉnh lân cận trong vùng bằng cách thành lập các chợ đầu mối để cung cấp nguyên liệu cho các DN trong KCN.

Sáu là: Nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm cho người lao động

Thứ nhất: Nâng cao chất lượng đào tạo

- + Trước hết, nội dung đào tạo ở các trường phải theo hướng thực tế. Cũng cố, tăng cường, đổi mới lực lượng làm công tác giảng dạy. Đào tạo với đích nhắm các công nhân và chuyên viên kỹ thuật ra trường để phục vụ cho các KCN.

- + Thứ hai là nâng cấp thiết bị dạy học, thiết bị thực tập, phòng thí nghiệm, xưởng trường theo hướng cập nhật trình độ hiện đại, bảo đảm cho học sinh, sinh viên tốt nghiệp không gặp khó khăn khi bắt tay vào làm việc trong dây chuyền sản xuất tại các KCN.

- + Đầu tư mở rộng các trường đào tạo, trung tâm dạy nghề: Đầu tư mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang, trường dạy nghề, xây dựng và mở rộng thêm các trường, cơ sở đào tạo, mở rộng thêm các ngành nghề mới đáp ứng nhu cầu của các DN trong KCN Tiền Giang trong thời gian tới.

Thứ hai: Giải quyết việc làm cho người lao động

Để giải quyết việc làm cho người lao động trong thời gian tới:

- + UBND tỉnh chỉ đạo cho ngành giáo dục đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục hướng nghiệp cho học sinh, đặc biệt là học sinh cuối cấp 2 & 3. Phải định hướng cho học sinh thấy rõ vai trò vị trí của người công dân lành nghề, xoá đi tư tưởng phải vào đại học của học sinh và phụ huynh.

- + Trên cơ sở quy hoạch các KCN xác định các ngành nghề ưu tiên đầu tư để có kế hoạch đào tạo mang tính đón đầu, đào tạo có định hướng, có trọng tâm phù hợp nhu cầu thực tế.

- + Sở Lao động Thương binh và Xã hội nên chủ trì, phối hợp với Ban quản lý các KCN tổ chức ngày hội việc làm của tỉnh nhằm giúp cho người lao động tìm được việc làm ở các KCN.

- + Hàng năm ngân sách tỉnh bố trí một khoản kinh phí để đào tạo miễn phí cho người lao động của

tỉnh về ngành nghề phù hợp nhằm đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng phục vụ cho các KCN của tỉnh.

Bảy là: Tạo chỗ ở ổn định cho người lao động

Thứ nhất: Khi quy hoạch thành lập các KCN tỉnh phải dành một phần quỹ đất từ 20% đến 25% diện tích KCN để xây dựng khu dân cư cho người dân bị giải toả và công nhân làm trong các KCN.

Thứ hai: Do hiệu quả đầu tư vào các dự án xây dựng nhà ở cho công nhân hiện nay rất thấp nên tỉnh cần phải thành lập một đơn vị công ích nhằm sử dụng nguồn vốn của ngân sách Nhà nước và vay ưu đãi để xây dựng các khu nhà cho công nhân ở. Đồng thời, tỉnh có chính sách kêu gọi động viên các chủ DN sử dụng lao động phải để dành một tỷ lệ vốn vào việc tham gia giải quyết nhà ở cho người lao động, thông qua việc đóng góp tài chính hoặc tự xây dựng nhà ở cho người lao động thuê.

Thứ ba: Thực hiện chính sách miễn nộp thuế sử dụng đất với các dự án xây dựng nhà ở cho công nhân thuê với giá thấp. Đồng thời miễn giảm thuế GTGT và thuế TNDN cho các cá nhân, đơn vị xây dựng nhà ở cho công nhân KCN.

Thứ tư: Ngoài ra tỉnh cần phải xây dựng cơ chế giảm giá nước và giá điện sinh hoạt cho những hộ kinh doanh nhà trọ phục vụ cho công nhân.

Tám là: Tăng cường quản lý Nhà nước đối với công tác bảo vệ môi trường

- Thứ nhất: Quy định mang tính chất bắt buộc các chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN phải xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung ở các KCN trước khi các DN trong KCN đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhằm tránh trường hợp DN trong KCN sản xuất kinh doanh nhưng chủ đầu tư chưa xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung như trước đây.

- Thứ hai: Quy định quy chế tiêu chuẩn môi trường cho các DN đầu tư vào KCN:

+ Quy định các DN phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi đầu tư vào KCN.

+ Quy định bắt buộc các doanh nghiệp trong KCN phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải cục bộ đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi đi vào hoạt động SXKD.

- Thứ ba: Thu thập và cập nhật các thông tin cơ bản của doanh nghiệp để xây dựng cơ sở dữ liệu về

doanh nghiệp, phục vụ công tác quản lý môi trường.

- Thứ tư: Các cơ quan chức năng của tỉnh mà đặc biệt là Sở Tài Nguyên và Môi trường, Cảnh sát Môi trường và Ban quản lý các KCN thường xuyên theo dõi, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm khắc các vụ việc vi phạm tiêu chuẩn môi trường của các DN gây ô nhiễm môi trường. Kiểm soát chặt chẽ việc vận hành các hệ thống xử lý nước thải cục bộ của các doanh nghiệp bằng các hình thức kiểm tra định kỳ hay đột xuất tại doanh nghiệp, kiên quyết xử phạt các đơn vị không chấp hành việc xây dựng hoặc vận hành hệ thống xử lý nước thải cục bộ.

- Thứ năm: Các chủ đầu tư KCN phải bố trí ngành nghề dự án đầu tư phải đúng theo quy hoạch, phải đặc biệt quan tâm đến yếu tố môi trường, tránh trường hợp bố trí không đúng phân khu chức năng sẽ làm cho các DN tự gây ô nhiễm lẫn nhau.

- Thứ sáu: Bổ sung nhân sự cho cán bộ thanh tra môi trường, để có đủ lực lượng thanh tra kiểm tra môi trường thường xuyên hơn.

Tóm lại: Các KCN Tiền Giang có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa của tỉnh. Tuy nhiên để góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa thì Tiền Giang cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp trên nhằm để thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào các KCN trong thời gian tới ■

Tài liệu tham khảo

1. Mai Ngọc Cường (2000), *Hoàn thiện chính sách và tổ chức thu hút ĐT-TNN tại Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Các văn bản và báo cáo của UBND tỉnh, Ban quản lý các KCN, Cục thuế Tiền Giang, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở công Thương, Sở Tài Nguyên và Môi trường và UBND các huyện.
3. Cục Thống kê Tiền Giang (2005, 2006, 2007). Niên giám thống kê tỉnh Tiền Giang, NXB Thống kê, Hà Nội.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2006), *15 năm xây dựng và phát triển các KCN, KCX ở Việt Nam (1991 – 2006)* - Kỷ yếu Hội nghị hội thảo Quốc gia, Long An.
5. Tạp chí *Cộng sản* - Viện khoa học và công nghệ Phương Nam (ngày 28/3/2008), Kỷ yếu hội thảo khoa học "Phát triển các KCN, KCX khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long - Triển vọng và thách thức", Long An
6. Tạp chí *Phát triển Kinh tế* 2007-2008.
7. Thông tin trên Internet. Các websites:
<http://www.tiengiang.gov.vn>
<http://www.khucongnghiep.com.vn>
<http://www.mpi.gov.vn>
<http://www.google.com>